

# Phật Học Tinh Yếu

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

tự Liên Du

# Sự Phân Phái Của Đạo Phật

trích ra từ **Phật Học Tinh Yếu**  
**Hòa Thượng Thích Thiên Tâm**  
**tự Liên Du**

Đôi Lời Phi Lộ .....	3
Thiên thứ nhất .....	4
Chương tám - Sự Phân Phái Của Đạo Phật .....	4
Tiết I: Nguồn Gốc Phân Phái.....	4
Tiết II: Hai Mươi Bộ Phái.....	8
Tiết III: Nhân Duyên Phát Xuất Của Các Bộ.....	9
Tiết IV: So Sánh Các Bộ Phái Theo Nam, Bắc Truyền.....	12
Chương chín - Giáo Nghĩa Các Bộ Phái .....	15
Tiết I: Ba Hệ Thống Bộ Nghĩa .....	15
Tiết II: Giáo Nghĩa Của Đại Chúng Bộ.....	17
Tiết III: Giáo Nghĩa Của Hữu Bộ.....	19
Tiết IV: Giáo Nghĩa Của Độc Tử Bộ.....	23

## **Đôi Lời Phi Lộ**

Ba tạng Kinh-điển của Phật-giáo hiện nay gồm có đến hơn vạn quyển. Trong ấy, những Kim-ngôn của Đấng Điều-Ngự và huyền-nghĩa của chư Tổ, hàm ẩn Đạo-lý thâm thúy vô biên. Muốn du ngoạn trong bể Phật-pháp bao la, hay lên đỉnh non thánh-giáo để nhìn khắp nơi bằng tầm mắt càn-khôn-nhất-lâm, phải phí nhiều thời giờ và tâm lực, mà giữa cuộc sống nhiều vướng bận ngày nay, ít ai làm nổi. Vì lẽ ấy, đã từ lâu bút giả có ý muốn gom góp phần tinh yếu của thánh-giáo viết ra thành tập, để giúp những vị mến đạo màu của Đức Thế-Tôn, có sự hiểu biết khái quát về pháp Phật. Và ý định này đã được thực hiện từ năm 1963, nhân lúc sắp sửa ra đảm nhận trường Phật-Học Huệ-Nghiêm.

Nội dung của toàn tập PHẬT HỌC TINH YẾU sau đây gồm có nhiều thiên, mỗi thiên phân thành nhiều chương, và mỗi chương bao hàm nhiều mục. Đó là hệ thống phân biệt để duyệt giả dễ ghi nhận. Điều đáng chú ý là phần trích dẫn những Kinh-luận trong đây, nghĩa lý nó không có tánh cách nhất định. Tại sao thế? Bởi giáo pháp của thánh-nhân nói ra đều tùy thời tùy cơ để dắt dìu, phá chấp. Có thể một lời thuyết giáo đối với căn cơ này thích hợp nhưng với cơ khác không thích hợp, với thời gian trước tiện nghi song với thời nay không tiện nghi. Cho nên một vị tôn túc đã bảo: “Y theo Kinh giải nghĩa là oan cho chư Phật ba đời, nhưng lìa Kinh một chữ tức đồng với ma thuyết”. Vậy chỗ thu thập của người khéo học Phật là không chấp Kinh, không bỏ Kinh, như người đời đã bảo: “Khôn chết, dại cũng chết, duy biết mới sống”. Và người khéo học Phật cũng đừng chấp lý bỏ sự, hay chỉ theo sự quên phần lý. Về việc được ý quên lời này, duy mỗi người tự thể hội, không thể nói hết được.

“Trần chẳng tương quan, bể cả nương dâu mặc thay đổi. Lòng không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn”. Xin mượn hai câu này để chúc sự thành tựu của duyệt giả sau khi đọc xong toàn tập PHẬT HỌC TINH YẾU.

Ngày 12-8-1965

**Tỳ-khưu Thiên Tâm, tự Liên Du**

## Thiên thứ nhất

### Chương tám - Sự Phân Phái Của Đạo Phật

#### Tiết mục:

- I. Nguồn gốc phân phái
- II. Hai mươi bộ phái
- III. Nhân duyên phát xuất của các bộ
- IV. So sánh các bộ phái theo Nam Bắc-truyền

**Kinh sách tham khảo:** Di-Bộ-Tông-Luân-Luận, Tăng-Kỳ-Luật-Tư-Ký, Đại-Tỳ-Bà-Sa-Luận, Ấn-Độ-Phật-Giáo-Sử-Lược, Tứ-Phần-Như-Thích.

**Đề yếu:** Nguồn gốc phân phái theo Nam, Bắc-truyền có nhiều thuyết khác nhau. Vì thế, nội dung của tiết thứ nhất đã nêu ra các thuyết sai biệt để làm một cuộc so sánh, và chọn lấy điểm hợp lý, cho học giả khi tham khảo khỏi phải phân vân. Các bộ phái theo Nam, Bắc-truyền lại cũng sai khác, cần phải giản trạch thuyết nào được lưu thông hơn, để làm tiêu điểm nghiên cứu. Tiết thứ hai đã trình bày về việc này. Phần đại khái của hai tiết sau, là lược thuật nhân duyên phát xuất của các bộ; cùng giảng định lại một lần nữa, sự sai biệt giữa Nam và Bắc-truyền. Trong đây điểm chánh yếu là tuy Phật-giáo có chia ra nhiều chi phái, song không phương hại gì đến tiêu chuẩn tự lợi lợi tha. Đối với hàng thức giả, việc đó cũng không đáng lưu tâm, vì sự sai biệt vẫn là lẽ tất nhiên của cuộc đời tương đối.

#### Tiết I: Nguồn Gốc Phân Phái

Mỗi phân chia của giáo-đoàn đạo Phật là do sự đối lập của Thượng-Tọa-bộ và Đại-Chúng-bộ. Từ hai bộ căn bản, lại chia thành nhiều chi phái. Những chi phái này, theo Bắc-truyền và Nam-truyền, có chỗ khác nhau, tiết sau sẽ đề cập đến. Những thuyết về Thượng-Tọa-bộ, Đại-Chúng-bộ căn bản của các chi phái về sau, cứ theo Nam và Bắc-truyền, lại có nhiều sự việc không đồng. Nay nêu ra đây để so lại: Theo Nam-truyền thì sau khi Đức Thế-Tôn diệt độ 100 năm, vua Ca-La-A-Dục ủng hộ tân phái của Tỷ-khưu Bạt-Kỳ, do đó gây thành sự phân chia hai bộ. Và sau khi Phật niết-bàn 200 năm, ở chùa Ma-Yết-Đà tại Kê-Viên (chùa này cũng gọi Kê-Viên-tự), chư Tăng có sự tranh chấp về đạo lý, A-Dục-Vương không biết phương pháp điều giải, mới hỏi ý kiến của Đại-Thiên. Theo Bắc-truyền, sau khi Phật diệt độ 100 năm, có con của người thuyền chủ tên là Đại-Thiên xuất-gia trong Phật-pháp, song vẫn giữ chủ thuyết của ngoại-đạo. Lúc hai bộ phân tranh, vị quốc-vương thời bấy giờ là A-Dục-Vương, ủng hộ phe phái của Đại-Thiên, và có hỏi ý kiến vị Tỷ-khưu này về sự tranh chấp ở Kê-Viên. Lại, sau

khi Đức Thế-Tôn nhập diệt 200 năm, có người ngoại-đạo tên là Đại-Thiên xuất-gia theo Phật-pháp, thọ giới Cụ-túc trong Đại-Chúng-bộ, học nhiều, tinh tấn, cư trú ở Chế-Đa-Sơn. So sánh hai thuyết trên, ta thấy thuyết của Nam-truyền có phần rành rẽ hơn. Còn thuyết của Bắc-truyền thì có sự lầm lẫn về người và niên đại, đem vị quốc-vương sau Phật 100 năm làm A-Dục-Vương, đem Bạt-Kỳ làm Đại-Thiên. Suy nghĩ kỹ, trước sau chỉ là một Đại-Thiên; Đại-Thiên tặc-trụ-tỷ-khuu là nhưn vật lịch sử, còn Đại-Thiên sau Phật 100 năm chỉ là nhân vật ảnh tả. Cho nên, sau khi thẩm định ta thấy thuyết của Bắc-truyền lấy sự việc sau khi Phật diệt độ 100 năm và 200 năm, hỗn hợp làm một. Lại, Phật-giáo-đồ Bắc-phương phần nhiều lấy sự kiết-tập kỳ hai do Đại-Chúng-bộ và Thượng-Tọa-bộ mà kéo lại sớm 100 năm, hợp đồng thời với sự kiết-tập lần đầu do ngài Ca-Điếp đề xướng. Bởi duyên cớ đó, thuyết A-Dục và Đại-Thiên của Bắc-truyền mới sớm hơn thuyết Nam-truyền 100 năm. Nhưng thuyết của Nam-truyền cũng có chỗ sai lầm về vua A-Dục. Thuyết này cho rằng sau Phật 100 năm có vua Ca-La-A-Dục (Candàsoka) tức là Hắc-A-Dục sau Phật 200 năm có Pháp-A-Dục. Xét lại, trước sau cũng chỉ là một A-Dục-Vương thôi; vì vua A-Dục trước tiên làm ác, nên dân chúng gọi là Hắc-A-Dục, sau khi nương về đạo Phật, trở lại làm lành, nên được xưng là Pháp-A-Dục. Lại, theo thuyết của Nam-truyền thì sự phân phái là do mười điều phi pháp. Theo thuyết của Bắc-truyền, có chỗ nói đồng như sự kiện trên, chỗ lại nói sự phân chia bộ phái là do năm điều tân thuyết của Đại-Thiên. Nay cũng xin nêu việc ấy ra đây để bàn định. Về lịch sử của Đại-Thiên, trong Tông-Luân-Luận của ngài Thế-Hữu và Đại-Tỳ-Bà-Sa-Luận của ngài Long-Thọ có những điểm khác nhau. Dung hòa ý chính của hai bộ luận, bỏ các chi tiết đáng nghi ngờ, chẳng hạn như việc Đại-Thiên giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, thì lịch sử của Đại-Thiên đại khái như sau: Khi Đức Thế-Tôn niết-bàn cách 200 năm về sau, ở nước Ma-Thâu-La (Mathurà) thuộc miền Trung-Ấn, có con của một thuyền chủ, tên là Đại-Thiên (Mahadeva Ma-Ha-Đề-Bà). Trước tiên Đại-Thiên xuất-gia theo ngoại-đạo, sau lại quy đầu Phật-pháp. Vốn là người thông minh, sau khi thọ giới tu hành không bao lâu, Đại-Thiên đã học suốt, ghi nhớ văn nghĩa trong ba tạng, và tự xưng mình đã chứng quả A-la-hán. Một hôm, nhân bị mộng tiết, ông sai đệ-tử đem giặt y. Người đệ-tử nghe thầy tự xưng là A-la-hán, sao nay lại có việc như thế, mới đem chuyện ấy ra hỏi. Đại-Thiên đáp: “Sự di lậu có hai nguyên nhân: một là do phiền não, hai là do sinh lý. Bậc A-la-hán đã đoạn hết phiền não, nhưng vì còn có nhục thân, nên khi thể chất sung cường, lúc ngủ nghỉ bị ma dụ hoặc, cũng có di lậu”. (Điều 1). Muốn cho đệ-tử hoan hỷ, Đại-Thiên chọn người nào thông huệ, thọ ký cho một trong bốn đạo quả Sa-môn. Đệ-tử hỏi: “Tôi nghe bậc A-la-hán tự có chứng trí, tại sao chúng tôi chứng quả mà

không tự biết?” Đại-Thiên giải thích: “Sự không biết có hai thứ: một là nhiễm-ô-vô-tri, hai là bất-nhiễm-vô-tri. Bậc A-la-hán tuy đã dứt hết phiền não nhiễm ô, nhưng không phải biết hết chân tướng của mọi sự vật. Vì thế nên các ông không tự biết”. (Điều 2). Đệ-tử lại hỏi: “Tôi nghe bậc A-la-hán đã lìa nghi hoặc, tại sao chúng tôi đã chứng quả mà còn có sự do dự hồ nghi?” Đại-Thiên đáp: “Nghi có hai thứ: một là tùy-miên-nghi, hai là xứ-phi-xứ-nghi. Bậc A-la-hán không còn cái thứ nhất, nhưng đối với công việc có khi sanh nghi ngờ thế nào là hợp lý, thế nào là không hợp lý”. (Điều 3). Lại một hôm, các đệ-tử đọc kinh đến câu: “Bậc A-la-hán có huệ nhãn, tự biết mình được giải thoát”, liền đến hỏi thầy rằng: “Chúng tôi đã là A-la-hán, nên tự chứng biết, tại sao do người khác bảo, mới biết mình chứng nhập?” Đại-Thiên nói: “Bậc A-la-hán phải do người khác bảo mới biết mình đã chứng ngộ. Như ngài Xá-Lợi-Phất trí huệ đệ nhất, ngài Mục-Kiền-Liên thần thông đệ nhất, khi Phật chưa ẩn chứng còn không tự biết, huống nữa là các ông”. (Điều 4). Đại-Thiên đã có nhiều lầm lỗi như thế, song căn lành chưa đoạn. Nên một hôm, vào lúc nửa đêm, ông suy nghĩ đến việc quấy của mình, bất giác xướng lên: “Khổ thay! Khổ thay!” Các đệ-tử nghe được kinh hãi, sáng ra hỏi thăm. Đại-Thiên bảo: “Phàm thấy cuộc đời là khổ, là vô thường, mà không chí thành xưng khổ, thì thánh-đạo không hiện khởi”. (Điều 5). Sau khi đã bịa ra năm điều ấy, nhân một ngày bố-tát ở tại chùa Kê-Viên (Kukkutarama), Đại-Thiên đối trước chư Tăng, tự đọc ra bài kệ:

“Dư sở dự, vô tri.  
Do dự, tha linh nhập.  
Đạo nhân thanh cố khởi.  
Thị danh chân Phật-giáo”.

Bài kệ này không ngoài ý thuật lại năm điều trên, và gán cho đó là đúng theo kinh Phật; tạm dịch:

“Ma dự hoặc, không biết.  
Nghi ngờ, người bảo chứng.  
Đạo nhân tiếng mà sanh.  
Đây chính là Phật-giáo”.

Khi bố-tát xong, ông còn đọc lại bài kệ ấy lần nữa, và nói với đại chúng: “Khi Đức Như-Lai còn ở đời, chư thiên và tứ-chúng nói ra, đều phải được Phật ẩn chứng, mới gọi là Kinh. Nay Thế-Tôn đã diệt độ, nếu trong đại chúng người nào thông minh, đủ biện tài thuyết pháp, cũng có thể trừ tác Kinh-điển”. Bấy giờ, những vị Trưởng-lão học rộng giữ giới, nghe bài tụng ấy đều kinh ngạc, rồi sửa lại câu

sau: “Đây chính là ngoại giáo”. Do đó, nguồn tranh biện nổi lên, các hàng sĩ thứ cho đến đại-thần trong thành ngăn dứt không được. Lúc đó A-Dục-Vương nghe biết, đến Kê-Viên-tự khuyên giải, nhưng hai bên đều tranh chấp không nhường nhau. Vua cũng nghi ngờ, hỏi ý kiến Đại-Thiên, ông này bảo: “Theo pháp diệt tránh trong giới kinh, nên lấy theo sự chấp thuận của phần đông”. Lúc ấy, phái Trưởng-lão ít hơn phe của Đại-Thiên, nên ông chiếm phần ưu thắng. Tuy nhiên sự phân tranh cũng không dứt, nhân đó mới chia ra các bộ phái về sau. Trên đây là một thuyết của Bắc-truyền, còn thuyết thứ hai, như trong bộ Chấp-Dị-Luận bản dịch của đời nhà Lương, đồng cứ bản với Tông-Luân-Luận, thì không nói rõ việc Đại-Thiên sáng chế năm điều, chỉ bảo: “Ngoại-đạo lập ra năm thứ nhân duyên”. Và, trong Thập-Bát-Bộ-Luận của ngài La-Thập dịch, cũng không nói rõ việc ấy, chỉ thuật: “Bấy giờ có Tỷ-khưu tên Năng, cũng gọi Nhân-Duyên, Đa-Văn, nói có năm pháp để dạy chúng-sanh”. Y cứ theo các kinh sách của Nam, Bắc-tông, dung hội lại những ý chính, ta có thể kết luận nguồn gốc phân phái như sau:

Khi Đức Thế-Tôn niết-bàn, cách 100 năm sau, do chư Tăng thuộc khuynh hướng canh tân theo quan niệm khoáng đại trì giới, chư Tăng thuộc khuynh hướng bảo thủ theo quan niệm tồn cổ trì giới, tranh chấp với nhau về mười điều, nên mới chia thành Thượng-Tọa-bộ và Đại-Chúng-bộ. Quan niệm của những phần tử thuộc hai bộ trên đây, vì không dung nạp lẫn nhau, nên mới phát sanh ra nhiều tư tưởng và từ đó lần lần phân tán thành nhiều bộ phái. Đây là nguyên nhân chính. Còn về việc của Đại-Thiên thì sau khi Đức Thế-Tôn diệt độ 200 năm, nhằm thời A-Dục-Vương, Phật-pháp được đại thịnh. Lúc bấy giờ, phần đông dân chúng đều hướng về chư Tăng để cúng dường. Do đó, các ngoại-đạo mất nhiều lợi dưỡng, nên có một nhóm tự cạo râu tóc lẫn vào trong đoàn thể Tăng-già. Nhưng vì hấp thụ theo ngoại giáo đã lâu, sau khi vào Phật-pháp, họ vẫn giữ chủ thuyết cũ. Vì thế mới sanh ra sự tranh chấp ý kiến trong Tăng-đoàn. A-Dục-Vương nghe biết được, mới tập hợp tất cả tăng chúng rồi gạn lọc lại, đưa những kẻ tặc-trụ-tỷ-khưu trở về đạo của họ. Nhưng trong nhóm ấy có độ ba trăm người bác đạt, thông thuộc Tam-tạng, thành thử họ không chịu khuất phục. Lúc đó thế lực ngoại-đạo cũng khá mạnh, vua nghĩ họ thông minh và nhiều bè đảng, nếu đuổi đi hết e gây ra sự không hay cho Phật-pháp, mới đem an trí riêng một nơi, tại chùa Kê-Viên ở Chế-Đa-Sơn. Nhưng khi tới đây do kiến giải sai biệt, họ lại tranh chấp với chư Tăng cỰu trụ. Người cầm đầu số đông trong cuộc tranh chấp này là Đại-Thiên. Về sau, A-Dục-Vương hay tin, giải quyết không được, đến núi A-Hô-Hàng-Già thỉnh Tôn-giả Mục-Liên-Đế-Tu thanh lọc lần thứ hai, trục xuất những kẻ phá hoại, việc ấy mới yên. Về năm điều trên, có thể là những cỰu

thuyết mà Đại-Thiên đã hấp thụ từ trước rồi nhân cơ hội gây nên thành quả, chưa chắc do ông ta sáng chế ra. Năm thuyết của Đại-Thiên, xét ra, thật không đúng với chánh-pháp. Nhưng dù sao, ông cũng đã dự phần gây ảnh hưởng chia rẽ trong đoàn thể Tăng-già, một thời gian khá lâu.

## Tiết II: Hai Mươi Bộ Phái

Sau lần kiết-tập thứ hai, trong giáo đoàn đạo Phật, vì khuynh hướng tự do một ngày một nảy nở, các tư tưởng mới bộc hưng, nên sự phân môn rẽ phái mỗi ngày một nhiều. Việc phân chia này bắt nguồn từ hai phái căn bản là Thượng-Tọa-bộ (Sthavira Theravada) và Đại-Chúng-bộ (Mahāsāṅghikā). Về niên đại phân liệt của các bộ phái, theo Nam-truyền, vào khoảng sau Phật diệt độ từ 100 năm đến 300 năm. Theo Bắc-truyền thì sau khi Đức Thế-Tôn niết-bàn, trong khoảng 100 đến hơn 200 năm là thời kỳ phân phái của Đại-Chúng-bộ, trong khoảng 300 đến 400 năm là thời kỳ phân phái của Thượng-Tọa-bộ. Về số mục của các bộ phái, theo Nam-truyền, trước tiên có 18 bộ, hai trăm năm về sau từ Đại-Chúng-bộ xuất sanh thêm sáu bộ nữa, tổng cộng là 24 bộ; theo Bắc-truyền thì có 18 bộ, gồm hai bộ căn bản là 20 bộ. Danh mục của các bộ phái Nam-truyền so với Bắc-truyền, có đôi chút khác nhau. Nay xin căn cứ theo Dị-Bộ-Tông-Luân-Luận của ngài Thế-Hữu (Huyền-Trang dịch), một bộ sách rất được thông hành, để ghi lại sự phân chia của các bộ phái: Trước tiên, bởi sớm phong phú về tư tưởng tự do, từ Đại-Chúng-bộ xuất sanh ra ba bộ: Nhất-Thuyết, Thuyết-Xuất-Thế, Kê-Dẫn. Lần thứ hai phát sanh ra Đa-Văn-bộ. Lần thứ ba phát sanh ra Thuyết-Giả-bộ. Lần thứ tư lại có ba bộ: Chế-Đa-Sơn, Tây-Sơn-Trụ, Bắc-Sơn-Trụ xuất hiện. Như thế, trong vòng sau Phật diệt độ 100 đến 200 năm, từ Đại-Chúng-bộ đã phân liệt ra chín phái, kể cả bản mạt. Trong khoảng thời gian ấy, Thượng-Tọa-bộ lui ẩn về xứ Ca-Thấp-Di-La, giữ khuynh hướng bảo thủ, tôn trọng sự truyền thừa, hai bên cũng vẫn dung hòa nhau, không có sự tranh chấp. Nhưng sau vì chịu ảnh hưởng của Đại-Chúng-bộ, tư tưởng bảo thủ, truyền thừa của Thượng-Tọa-bộ cũng bị lay chuyển. Vì thế, trong khoảng thời gian từ 300 đến 400 năm sau Phật diệt độ, từ Thượng-Tọa-bộ phân chia ra mười bộ, kể cả bộ phái căn bản là mười một bộ. Sự xuất sanh của các phái này đã diễn ra như sau: Lần đầu tiên, từ Thượng-Tọa-bộ phân ra Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu-bộ (cũng gọi Tát-Bà-Đa). Lần thứ hai, từ-Hữu-bộ phát sanh Độc-Tử-bộ. Lần thứ ba, từ Độc-Tử-bộ xuất hiện bốn bộ: Pháp-Thượng, Hiền-Trụ, Chánh-Lượng, Mật-Lâm-Sơn. Lần thứ tư, từ Hữu-bộ phát xuất Hóa-Địa-bộ. Lần thứ năm, từ Hóa-Địa-bộ phân liệt ra Pháp-Tạng-bộ. Lần thứ sáu, lại từ Hữu-bộ phát sanh Âm-Quang-bộ (cũng gọi Thiện-Tuế). Lần thứ bảy, cũng từ Hữu-bộ phát sanh Kinh-Lượng-bộ



(cũng gọi Thuyết-Độ). Về Thượng-Tọa-bộ, sau khi phân ra Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu-bộ rồi, thế lực bị suy kém, phải lui về ẩn dật ở Tuyết-Sơn, nên lại có tên là Tuyết-Sơn-bộ. Để tiện cho người học Phật, xin nêu ra biểu đồ phân phái như sau:

### **Tiết III: Nhân Duyên Phát Xuất Của Các Bộ**

Các phái trên đây, bởi tư tưởng không đồng nên thành đối lập, vì thế phải phân chia ra. Những nhân duyên ấy, theo bản truyền của ngài Chân-Đế, đại lược như sau:

1. Đại-Chúng-bộ: Bộ này phát xuất sau khi có sự tranh chấp mười điều giới luật. Về sau, bộ chúng lần lần thêm nhiều, cư trụ ở xứ Ương-Quật-Đa-La (Angottara) thuộc phương Bắc thành Vương-Xá.

2. Nhất-Thuyết-bộ: Giáo-đoàn của Đại-Chúng-bộ nhân nghiên cứu các kinh Đại-thừa như: Hoa-Nghiêm, Niết-Bàn, Thắng-Man, Duy-Ma, Kim-Quang-Minh... có kẻ tin, kẻ không tin. Những người tin theo Đại-thừa lại có ba xu hướng, và tự tách ra thành ba bộ phái. Phái thứ nhất trong ba bộ này, cho rằng tất cả các pháp thế và xuất thế gian đều là giả danh không có thật thể. Đây là Nhất-Thế-bộ, và điểm trên là tư tưởng chính của họ.

3. Thuyết-Xuất-Thế-bộ: Phái thứ hai tin theo Đại-thừa, là Thuyết-Xuất-Thế-bộ. Theo phái này, tất cả pháp thế gian đều bởi duyên đảo sanh ra; nghĩa là do điên đảo nên khởi phiền não, từ phiền não mà gây nghiệp và từ nghiệp cảm chịu quả báo. Vì vậy các pháp thế gian đều là hư vọng, giả danh. Trái lại, pháp xuất thế gian là chân thật, vì từ thật cảnh khởi thật trí, và do thật trí đạt đến thật cảnh.

4. Kê-Dẫn-bộ: Phái thứ ba tin theo Đại-thừa là Kê-Dẫn-bộ. Theo phái này, hai tạng Kinh và Luật là phương tiện giả thuyết của Đức Thế-Tôn. Như một bài kệ trong kinh nói: “Tùy nghi ăn, mặc, ở. Miễn mau dứt phiền não”. Thế thì những hình thức bên ngoài đều thuộc phương tiện, mà sự diệt phiền não mới là chủ điểm. Cho nên chỉ có Luận tạng là giáo điển thiết thật, vì tạng này giải thích nghĩa lý tinh vi rõ ràng. Do đó, họ thành lập một bộ phái riêng.

5. Đa-Văn-bộ: Khi Đức Phật còn tại thế, có một vị A-la-hán tên là Tụ-Bì-Y (Yajnavalkya). Nguyên Tụ-Bì-Y là một tiên-nhơn, mặc áo vỏ cây, thờ trời, sau xuất-gia trong Phật-pháp chứng được đạo quả. La hán Tụ-Bì-Y thường theo Phật, ghi nhớ thọ trì tất cả giáo nghĩa. Trước khi Đức Thế-Tôn diệt độ, Ngài vào nhập định ở Tuyết-Sơn. Sau Phật niết-bàn 200 năm, Ngài xuất định, đến nước

Ương-Quật-Đa-La, thấy Đại-Chúng-bộ chỉ hoằng dương nghĩa nông cạn của ba tạng, rất lấy làm kinh ngạc. Do đó, La-hán Tỳ-Bì-Y đọc lại tất cả nghĩa thâm thúy về Đại-thừa của pháp tạng. Một số tăng sĩ thọ trì pháp-giới của Ngài, và biệt lập thành Đa-Văn-bộ, để nghiên cứu những nghĩa lý rộng sâu trong Kinh, Luật, Luận.

6. Thuyết-Giả-bộ: Ở nước Ma-Ha-Lạt-Đà (Mahàrattha) có vị Tỷ-khưu danh đức tên Đại-Ca-Chiên-Diên (Mahàkàtyàyana). Ngài đem giáo nghĩa trong ba tạng phân tích thế nào là nhân, quả, thật thuyết, giả thuyết, chân đế, tục đế. Do nhân duyên đó, có một nhóm tăng sĩ chủ trương giải thích Tam-tạng theo lối này, để tùy nghi lựa chọn thủ xả, và biệt lập thành Thuyết-Giả-bộ.

7. Chế-Đa-Sơn-bộ,

8. Tây-Sơn-Trụ-bộ,

9. Bắc-Sơn-Trụ-bộ: Như trên đã kể, do Đại-Thiên cầm đầu nhóm bác đật, gây ra cuộc tranh chấp trong nội bộ Tăng-chúng. Khi A-Dục-Vương và Tôn-giả Mục-Liên-Đế-Tu đến giải quyết, công việc mới yên. Nhưng từ đó, chư Tăng ở đây cũng bị ảnh hưởng ấy, chia nhau cư trú ba nơi và lập thành ba bộ phái. Phái ở chỗ cũ gọi là Chế-Đa-Sơn-bộ; phái ở phía tây Chế-Đa-Sơn gọi là Tây-Sơn-Trụ-bộ; phái ở phía bắc Chế-Đa-Sơn gọi là Bắc-Sơn-Trụ-bộ.

10. Thượng-Tọa-bộ: Bộ này cũng phát xuất sau khi có sự tranh chấp về mười điều giới luật. Đại khái Thượng-Tọa-bộ chủ trương bảo thủ cựu phong mà tu hành, lấy Kinh tạng làm bản vị. Chư Tăng trong bộ này cho rằng, Luật vì y theo người nên có sự bất định về các điều khai, giá (mở rộng, nghiêm cấm); còn Luận tuy giải thích Kinh, nhưng lại hay đi xa với nghĩa căn bản của Kinh. Vì thế, họ lấy Kinh làm tiêu chuẩn, mà không mấy trọng Luật, Luận.

11. Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu-Bộ (cũng gọi Thuyết Nhân): Thời đại thay đổi, tư tưởng con người cũng biến thiên; về sau các nhà học Phật lần lần theo khuynh hướng trọng Luận nhẹ Kinh. Sau khi Đức Thế-Tôn diệt độ 300 năm, có ngài Ca-Chiên-Diên-Ni-Tử (Kàtyàyaniputra) ra đời. Ngài là bậc thạc học trong Phật-giáo, tinh thông Tam-tạng, nhưng không thích chủ trương lấy Kinh làm bản vị của Thượng-Tọa-bộ. Trong khi tu trì ở chùa Ám-Lâm (tamasavanāsamghāra) nước Chi-Na-Bộc-Đề (Cinabhukti) thuộc Bắc-Ấn, Ca-Chiên-Diên-Ni-Tử đã chế tác ra bộ Phát-Trí-luận. Tuy cũng hoằng truyền cả Kinh và Luật nhưng ngài lại thiên trọng về Luận, lập ra Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu-bộ, lấy Luận tạng làm bản vị.

12. Độc-Tử-bộ (cũng gọi Trụ-Tử-bộ): Bộ này cũng lấy Luận tạng làm bản vị, nhưng sở y về Luận-tạng khác hơn Hữu-bộ. Chư Tăng phái này lấy bộ A-Tỳ-Đàm của ngài Xá-Lợi-Phất làm tiêu chuẩn. Đệ-tử ngài Xá-Lợi-Phất là La-Hầu-La, đệ-tử của ngài La-Hầu-La là Độc-Tử (Vàtsìputra). Về sau hậu duệ của ngài Độc-Tử lập ra phái này, nên nếu gọi cho đủ là: Độc-Tử-Đệ-Tử-bộ.

13. Pháp-Thượng-bộ,

14. Hiền-Trụ-bộ,

15. Chánh-Lượng-bộ,

16. Mật-Lâm-Sơn-bộ: Bốn bộ này cũng lấy Luận-tạng làm bản vị, và được phân xuất từ Độc-Tử-bộ. Nguyên khi chư Tăng phái Độc-Tử giải thích bộ A-Tỳ-Đàm của ngài Xá-Lợi-Phất, đến đoạn nào quá đơn giản thì đem nghĩa của Kinh thêm vào. Vì trong sự tăng bổ có nhiều ý kiến bất đồng, nên từ nơi bản bộ, lại phát xuất ra bốn bộ trên đây.

17. Hóa-Địa-bộ: Bộ này cũng từ nơi Hữu-bộ mà biệt xuất. Nguyên sau khi Phật diệt độ 300 năm, có người Bà-La-Môn tên là Hóa-Địa, tinh thông mọi giáo nghĩa của Tứ-Phệ-Đà thánh-điển. Sau ông xuất-gia trong Phật-pháp tu hành, chứng quả A-la-hán. Nhân khi giảng đọc Kinh-điển, đến chỗ nào thiếu sót, ông đem lời văn của kinh Phệ-Đà và văn điển Phạm-ngữ để tu sức, ý nghĩa đồng như Phật nói. Các đệ-tử tin tưởng lời thuyết pháp của thầy, nên sau khi ông viên tịch, họ lập thành một phái riêng, lấy tên là Hóa-Địa-bộ.

18. Pháp-Tạng-bộ: Nhân duyên phát xuất của bộ này, do một vị tôn đức tên là Pháp-Tạng (Dharmagupta). Nguyên trước kia A-la-hán Pháp-Tạng là đệ-tử của Tôn-giả Mục-Kiền-Liên. Nhân thường đi theo thầy du hóa, ngài ghi nhớ tất cả những điều gì Tôn-giả đã nói. Sau khi Tôn-giả Mục-Kiền-Liên viên tịch, ngài đem Kinh-điển chia thành năm tạng. Kinh, Luật, Luận, Mật-Chú và Bồ-Tát tạng. Chư Tăng trong Hóa-Địa-bộ có một số người tin tưởng theo thuyết này, nên biệt lập thành ra Pháp-Tạng-bộ.

19. Âm-Quang-bộ (cũng gọi Thiện-Tuế): Khi Đức Như-Lai còn ở đời, Tôn-giả Âm-Quang (Kasyapa - Ca-Diếp) thọ trì rất nhiều pháp giáo của Phật. Về sau, ngài tập hợp những pháp giáo ấy, chia thành hai loại: bộ phận phá tà thuyết của ngoại-đạo, và bộ phận đối trị phiền não của chúng-sanh. Do nhân duyên đó, người sau tin theo pháp giáo này, biệt lập thành một phái, lấy tên là Âm-Quang-bộ.

20. Kinh-Lượng-bộ: Bộ này lấy Kinh-tạng làm lượng, không y theo Luật, Luận, nên gọi là Kinh-Lượng. Kinh-Lượng-bộ lại có tên là Thuyết-Độ hoặc Thuyết-Chuyển. Hai danh từ này có nghĩa: cá thể của hữu-tình nếu nương theo kinh lượng, thì từ đời hiện tại chuyển đến vị lai, dù chưa đắc đạo nhưng hạt giống kinh pháp vẫn không tiêu diệt. Tóm lại, mục đích của phái này là phục cổ, chủ trương tái thiết lập trường của Thượng-Tọa-bộ.

#### **Tiết IV: So Sánh Các Bộ Phái Theo Nam, Bắc Truyền**

Trên đây là nhân duyên phát xuất các bộ phái theo Bắc-truyền. Vì muốn cho người học Phật có chỗ quy nhất, nên nội dung của bản chương chỉ chọn lựa thuyết nào đơn giản và được thông hành trong Nam hoặc Bắc-tông. Tuy nhiên, về thuyết của Nam-truyền, cũng nên nêu ra đại lược cho tiện việc tham khảo.

Theo Nam-truyền, trước tiên, về căn bản và chi mật của Đại-Chúng-bộ, gồm có sáu phái: 1. Đại-Chúng-bộ. 2. Kê-Dẫn-bộ. 3. Nhất-Thuyết-bộ. 4. Thuyết-Giả-bộ. 5. Đa-Văn-bộ. 6. Thuyết-Chế-Đa-bộ.

Về văn bản và chi mật của Thượng-Tọa-bộ, gồm 12 phái: 1. Thượng-Tọa-bộ. 2. Hóa-Địa-bộ. 3. Độc-Tử-bộ. 4. Pháp-Thượng-bộ. 5. Hiền-Trụ-bộ. 6. Lục-Thành-bộ. 7. Chánh-Lượng-bộ. 8. Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu-bộ. 9. Pháp-Tạng-bộ. 10. Âm-Quang-bộ. 11. Thuyết-Chuyển-bộ. 12. Thuyết-Kinh-bộ.

Trước sau, cả Thượng-Tọa-bộ và Đại-Chúng-bộ, gồm có 18 bộ phái. Các bản cựu dịch gọi 18 bộ phái Tiểu-thừa chính là thuyết này. Khi Phật diệt độ 200 năm về sau, từ Đại-Chúng-bộ phát xuất thêm sáu bộ nữa là: Tuyết-Sơn, Vương-Sơn, Nghĩa-Thành, Tây-Vương-Sơn, Đông-Sơn, Tây-Sơn. Như thế, tổng cộng tất cả được 24 phái. Về nhân duyên xuất phái, bên Nam-tông không thấy có lưu truyền.

So sánh lại, bên Nam-truyền không có các bộ: Thuyết-Xuất-Thế, Bắc-Sơn-Trụ. Bên Bắc-truyền không có các bộ: Đông-Sơn, Tây-Sơn, Thuyết-Kinh, Thuyết-Chế-Đa. Ngoài ra, các bộ kia danh mục tuy khác, song ý nghĩa vẫn đồng, bất quá do sự chuyển đổi của ngôn ngữ mà thôi, như Thuyết-Chuyển gọi là Kinh-Lượng chẳng hạn. Lại, thứ lớp phát xuất của các phái theo Nam-truyền và Bắc-truyền cũng khác nhau. Vì không muốn có sự rối ren, nên trong đây không đề cập đến.

Tham khảo về chỗ đồng dị của các bộ phái theo Nam, Bắc-truyền thì, như bên Nam-truyền chia ra hai bộ: Thuyết-Chuyển, Thuyết-Kinh, bên Bắc-truyền xem

đồng một phái, nên chỉ gọi là Kinh-Lượng-bộ. Bên Bắc-truyền cho Thượng-Tọa và Tuyết-Sơn đồng một bộ, bên Nam-truyền cho Tuyết-Sơn là chi phái riêng thuộc Đại-Chúng-bộ. Phái Thuyết Chế-Đa bên Nam-truyền có lẽ là Thuyết-Xuất-Thế bộ theo Bắc-truyền, vì về vấn đề cá nhân linh hồn, hai phái này lập luận giống nhau, và niên đại phát xuất cũng tương đồng. Theo Nam-truyền thì sau khi Phật diệt độ 200 năm, từ Đại-Chúng-bộ phát xuất sáu chi phái, hai bộ Đông-Sơn, Tây-Sơn trong đó, bên Bắc-truyền cũng có. Như Tây-Vức-Ký nói: “Ở xứ Đại-An-Đạt-La thuộc miền Nam-Ấn, có hai ngôi già lam kỳ cổ, tên là Đông-Sơn, Tây-Sơn. Hai ngôi chùa này do đục hang đá mà tạo thành. Tương truyền khi xưa hai chỗ này là cơ sở thuộc về Đại-Chúng-bộ”. Xem thế thì biết hai bộ ấy lập căn cứ nơi đây. Lục-Thành-bộ tức là Mật-Lâm-Sơn-bộ; vì bên Nam-truyền nói bốn bộ Pháp-Thượng, Hiền-Trụ, Lục-Thành, Chánh-Lượng phát xuất từ Độc-Tử-bộ, bên Bắc-truyền cũng gọi bốn bộ Pháp-Thượng, Hiền-Trụ, Mật-Lâm-Sơn, Chánh-Lượng phát xuất từ Độc-Tử-bộ. Các bộ phái: Vương-Sơn, Tây-Vương-Sơn, Nghĩa-Thành không có danh mục bên Bắc-truyền, nhưng căn cứ theo Bồ-Đề-Sử (Bodhivamsa), ta có thể đoán định Vương-Sơn chính là Chế-Đa-Sơn, Tây-Vương-Sơn chính là Tây-Sơn-Trụ, và Nghĩa-Thành chính là Bắc-Sơn-Trụ. Vì trong tập sử này có nói: “Vào thời A-Dục-Vương, có các ngoại-đạo cầu danh lợi mặc pháp phục xen trong đoàn thể chư Tăng, làm cho chánh tà lẫn lộn. Do đó trong Đại-Chúng-bộ mới nảy sinh sáu chi phái, như Tuyết-Sơn...”

Theo bộ Tăng-Kỳ-Luật-Tư-Ký của ngài Pháp-Hiến, vào thời Tôn-giả Ưu-Ba-Cấp-Đa, chư Tăng bất đồng ý kiến về giới luật (đây nói về phương diện giới luật), nên lần lần chia thành năm bộ. Trong đây, Đàm-Vô-Đức chính là Pháp-Tạng-bộ, Di-Sa-Tắc chính là Hóa-Địa-bộ. Ca-Diếp-Di chính là Âm-Quang-bộ, Tát-Bà-Đa chính là Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu-bộ, Bà-Sa-Phú-La chính là Độc-Tử-bộ. Tôn-giả Ưu-Ba-Cấp-Đa là nhân vật sau Đức Thế-Tôn 100 năm, năm phái trên đều thuộc về Thượng-Tọa-bộ. Cứ theo đây thì thuyết của Nam-truyền nói sau khi Phật diệt độ trong khoảng 100 năm đến 300 năm, từ hai bộ căn bản lần lượt sanh ra các chi phái, dường như hợp với hình thế tự nhiên. Còn thuyết của Bắc-truyền nói từ 100 đến 200 năm sau Phật diệt độ là thời kỳ phân phái của Đại-Chúng-bộ, trong khoảng 300 đến 400 năm là thời kỳ phân phái của Thượng-Tọa-bộ dường như có chỗ dụng ý. Hoặc giả người trong phái Nhất-Thế-Hữu muốn tỏ ra bộ môn căn bản của mình (Thượng-Tọa-bộ) phân tán sau hơn cả, nên mới có thuyết này chăng?

Tóm lại, giáo-đoàn đạo Phật tuy chia nhiều bộ phái, song không phương hại gì đến sự giải thoát. Thuở xưa, Đức Thế-Tôn đã có dự ký rằng: “Sau khi ta diệt độ,

Kinh, Luật của ta chia thành năm bộ, cho đến 18 bộ, danh từ tuy khác nhưng đường lối quy hướng vẫn hợp với cảnh đại Niết-bàn. Nếu có ai y theo đó mà tu hành, đều sẽ được giải thoát”. Đức Phật cũng bảo ngài Văn-Thù: “Trong đời vị lai, đạo pháp của ta hòa hợp với mọi căn cơ chia thành 20 bộ, làm cho ngôi nhà chánh giáo được vững bền. Trong 20 bộ này, nếu ai y theo tu hành, đều được chứng quả. Ví như nước biển tuy nhiều, song chỉ có một vị; và như người có hai mươi con trẻ, không đứa nào chẳng phải là con mình. Cũng như thế, Tam-tạng đều bình đẳng không có tạng nào hơn kém. Đây là lời chân thật của Như-Lai”.

## Chương chín - Giáo Nghĩa Các Bộ Phái

### Tiết mục:

- I. Ba hệ thống bộ nghĩa
- II. Giáo nghĩa của Đại-Chúng-bộ
- III. Giáo nghĩa của Hữu-bộ
- IV. Giáo nghĩa của Độc-Tử-bộ

**Kinh sách tham khảo:** Di-Bộ-Tông-Luân-Luận, Tông-Luận-Khảo, Ấn-Độ-Phật-Giáo-Sử-Lược.

**Đề yếu:** Tông nghĩa 20 bộ rất phiền toái, trong một bài hữu hạn, không thể ghi ra mỗi mỗi chi tiết. Vì thế, nội dung tiết thứ nhất trong bản chương, y theo Tông-Luân-Khảo của ngài Huyền-Trang, mà chia các phái thành ba hệ thống: Đại-Chúng, Hữu-bộ và Độc-Tử. Ba tiết sau nói khái lược về giáo nghĩa của ba bộ phái đại biểu này. Trong đây, giáo nghĩa Hữu-bộ phưởng phát như Nguyên-thủy Phật-giáo, nhưng lối phân tích vạn hữu tinh tế hơn Đại-Chúng-bộ. Giáo nghĩa của Đại-Chúng-bộ thì quan niệm về Phật-thân có phần khoáng đạt hơn Hữu-bộ. Còn giáo nghĩa của Độc-Tử-bộ lại giản ước và độc lập với thuyết Tam-tụ. Đặc điểm của Đại-Chúng-bộ là lối nhận xét về hữu vi pháp gần với thuyết “Ngã pháp câu không” làm cơ sở khai triển Không-tông về sau. Đặc điểm của Hữu-bộ là lối phân tích các pháp một cách tinh tế, làm cơ sở cho Duy-thức-học của Hữu-tông trong tương lai. Riêng Độc-Tử-bộ được đặc thù với thuyết Bồ-Đặc-Già-La, làm cơ sở cho lập thuyết Như-Lai-tạng.

Cả ba hệ thống do ba bộ làm đại biểu, tuy hình thức còn trong phạm vi Tiểu-thừa, nhưng về tông nghĩa đều đã manh nha tư tưởng Đại-thừa Phật-giáo.

### Tiết I: Ba Hệ Thống Bộ Nghĩa

Trong một thời gian không bao lâu, Phật-giáo chia ra đến 20 bộ phái, như các thứ nấm mọc lên sau cơn mưa rào, người ngoài trông thấy không khỏi lấy làm lạ. Nhưng điều ấy chẳng có chi kỳ đặc, vì các phái trên chỉ bất đồng ý kiến rồi biệt lập, không có tính cách môn đình kiên cố như các tông Thai, Thiền, Tịnh, Mật bên Trung-Hoa. Trong ấy, duy có hai bộ văn bản là sai biệt, ngoài ra các phái chi mật chỗ lập nghĩa chỉ hơi khác nhau. Chẳng hạn như bốn phái Pháp-Thượng, Hiền-Trụ, Chánh-Lượng, Mật-Lâm-Sơn, sở dĩ được chia ra, vì lối giải thích bất đồng trên một bộ luận. Do đó, chỉ trong thời gian hơn hai trăm năm mới phát sanh nhiều bộ như thế.

Nay xin căn cứ quyển Tông-Luận-Khảo của ngài Huyền-Trang, nương theo nghĩa tương đồng của 20 bộ, mà chia thành ba hệ thống:

1. Đại-Chúng, Nhất-Thuyết, Thuyết-Xuất-Thế, Kê-Dẫn, Thuyết-Giả, Ché-Đa-Sơn, Tây-Sơn-Trụ, Bắc-Sơn-Trụ, Pháp-Tạng, Âm-Quang, Hóa-Địa, Đa-Văn, Tuyết-Sơn thuộc về hệ thống Đại-Chúng-bộ.
2. Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu, Thượng-Tọa, Đa-Văn, Tuyết-Sơn, Kinh-Lượng thuộc về hệ thống Nhất-Thiết-Hữu-bộ.
3. Độc-Tử, Pháp-Thượng, Hiền-Trụ, Chánh-Lượng, Mật-Lâm-Sơn thuộc về hệ thống Độc-Tử-bộ.

Như trên, hệ thống thứ nhất lấy Đại-Chúng-bộ làm đại biểu. Hệ thống thứ hai, không lấy Thượng-Tọa-bộ làm đại biểu mà lấy Nhất-Thiết-Hữu-bộ, vì bộ này giải thích kinh văn có phần tinh tế hơn, và có tính cách bao quát những bộ tùy thuộc. Trong hệ thống thứ nhất, thứ nhì đều liệt danh Đa-Văn và Tuyết-Sơn, vì tông nghĩa của hai bộ này kiêm thông cả Nhất-Thiết-Hữu-bộ và Đại-Chúng-bộ. Hệ thống thứ ba lấy Độc-Tử-bộ làm đại biểu. Trong hệ thống này, về sau Chánh-Lượng-bộ được thanh truyền hơn cả, nên cũng có thể đem Chánh-Lượng thay thế Độc-Tử mà đại biểu cho ba bộ: Pháp-Thượng, Hiền-Trụ, Mật-Lâm-Sơn.

Trong Nam-Hải-Ký-Quy-Truyện, Nghĩa-Tĩnh pháp sư cũng có nói: “Tuy các bộ phái phát xuất không đồng nhau, nhưng sự truyền thừa ở Tây-Vức đại cương chỉ có bốn”. Theo pháp sư, bốn hệ thống là ngoài ba đại biểu trên, thêm vào Thượng-Tọa-bộ. Nhưng Thượng-Tọa-bộ tông nghĩa kiêm thông cả Đại, Tiểu-thừa, về sau lại bị canh cải, thành ra mất bản sắc. Trên đây để Nhất-Thiết-Hữu-bộ làm đại biểu là cũng do duyên cớ đó. Như Đồng-Diệp-bộ (Tàmrasàtiyà) được lưu hành ở Tích-Lan chính là lưu phái thuộc Thượng-Tọa-bộ, nhưng sánh với tông nghĩa của căn bản Thượng-Tọa-bộ, có chỗ khác nhau.

Tóm lại, các bộ phái tuy nhiều, nhưng tông nghĩa đại khái không ngoài ba hệ thống trên. Cho nên, biết được tông nghĩa của một bộ đại biểu, tức hiểu được tông nghĩa của các bộ tùy thuộc. Tuy nhiên, thể theo dụng ý của ngài Huyền-Trang, nội dung bản chương chỉ trình bày đại nghĩa các phái đương thời một cách giản yếu cho học giả dễ nhận thức, chớ không phải cố tâm sáp nhập 20 bộ vào ba hệ thống. Vì thật ra, do sự lưu truyền và phát đạt của mỗi phái về sau, những tông nghĩa đầu tiên trong 20 bộ cũng có thay đổi, không thể xác chỉ đâu là giới hạn.



## Tiết II: Giáo Nghĩa Của Đại Chúng Bộ

Giáo nghĩa của Đại-Chúng-bộ, đại khái có thể chia thành bốn đoạn như sau:

1. Hữu-Vi-luận: Theo Đại-Chúng-bộ, tất cả pháp hữu vi, gọi là hiện tượng giới hay hữu vi giới, đều nương nơi nhân duyên mà sanh diệt. Vì hiện tượng giới luôn luôn sanh diệt, nên các pháp đời quá khứ không có thật thể, bởi nó chẳng còn tồn tại. Các pháp đời vị lai cũng không có thật thể, bởi nó hãy chưa sanh. Duy các pháp trong một sát-na của đời hiện tại là có thật thể, bởi nó đang lưu tồn. Đây là chủ thuyết “Quá vị vô thể, hiện tại hữu thể” của bản bộ. Đứng về phương diện triết học, chủ thuyết này gọi là Phê-phán-thật-tại-luận. Quan niệm về hữu vi pháp của Đại-Chúng-bộ, mục đích để phá trừ tâm chấp có, tuy chưa được hoàn mỹ, nhưng cũng gần với thuyết “Ngã pháp câu không” của Đại-thừa.

2. Vô-Vi-luận: Tương đối với pháp hữu vi, Đại-Chúng-bộ lập ra chín pháp vô vi. Chín pháp ấy là: Trạch-diệt, Phi-trạch-diệt, Hư-không, Không-vô-biên-xứ, Thức-vô-biên-xứ, Vô-sở-hữu-xứ, Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ, Duyên-khởi-chi-tánh, Thánh-đạo-chi-tánh.

Trạch-diệt-vô-vi là lý tánh Niết-bàn nương vào sức tuyền trạch của trí huệ, lìa sự ràng buộc của phiền não mà chứng được Phi-trạch-diệt-vô-vi là chân tánh bản lai vắng lặng, không cần sức lựa chọn của trí huệ mới hiển ngộ. Hư-không-vô-vi là chỉ cho hư không của lý tánh, không chướng ngại các pháp và không bị các pháp làm chướng ngại. Không-vô-biên-vô-vi là cảnh giới trống không do hành giả chán thô chất của sắc tượng, tu Không-quán mà chứng được. Thức-vô-biên-vô-vi là cảnh giới vắng lặng lẽ không ngăn mé, chỉ có sự biến duyên của tâm thức. Vô-sở-hữu-vô-vi là cảnh giới trống vắng bình đẳng, do hành giả chán vô-biên-thức tu Vô-ngã quán được thân chứng. Phi-phi-tưởng-vô-vi là định cảnh thoát ly trạng thái có, không, chỉ còn tâm tưởng vi tế. Bốn định cảnh thuộc Vô-sắc-giới trên đây, tuy gọi là vô vi, Vô-sắc, nhưng thật ra còn có sắc chất vi tế gọi là Thức-tâm (Hridayavastu). Vả lại Đại-Chúng-bộ không cho bốn định cảnh này là cứu cánh, mà chỉ cho là cảnh sở y tạm trong thời kỳ gia hạnh, do nhân tu mà cảm thành bốn không báo sai biệt. Duyên khởi chi tánh vô vi là lý pháp của sự sống chết xoay vần. Đại-Chúng-bộ cho rằng mười hai chi duyên khởi tuy là pháp hữu vi, nhưng thứ lớp tương sanh trước sau của nó không thay đổi. Vì lý pháp duyên khởi này nhất định và tương tục không ngừng, nên họ liệt vào vô vi pháp. Thánh-đạo-chi-tánh-vô-vi là lý pháp lìa nhiễm chứng diệt của Bát-thánh-đạo. Do mỗi chi trong Bát-thánh-đạo đều có công năng làm cho hành giả lìa sự ô nhiễm, chứng vào thể vắng lặng, nên Đại-Chúng-bộ liệt lý pháp này vào vô vi pháp.

Trong chín pháp trên đây, điểm trọng yếu nhất là Trạch-diệt-vô-vi, vì trừ phiền não chứng Niết-bàn là mục đích của người tu đạo giải thoát. Xét lại, quan niệm vô vi của Đại-Chúng-bộ, không phải chỉ có tính cách tịch tĩnh, mà gồm cả hoạt động, như Duyên-khởi-chi-tánh chẳng hạn. Vô vi của họ, không phải phủ nhận hiện tượng của các pháp, mà là phủ nhận tâm niệm phiền não chấp trước trên các pháp.

3. Tâm-tánh-bản-tịnh-luận: Đại-Chúng-bộ chủ trương tâm tánh bản lai thanh tịnh, xa lìa tất cả phiền não mê vọng. Duyên vì khách trần phiền não bên ngoài làm ô nhiễm, nên tâm tánh trở thành bất tịnh. Đây là thuyết “Tâm tánh bản tịnh, khách trần ô nhiễm” của Đại-Chúng-bộ.

Vì tâm tánh thì bản tịnh, khách trần là phiền não, tâm và phiền não đều có từ vô thủy, khách trần thường đeo đuổi theo tâm, nên gọi là tùy phiền não. Bởi có tùy phiền não nên tâm bị ô nhiễm, tạo ra nghiệp, khiến cho chúng-sanh mãi xoay vần trong nẻo khổ. Nếu nương vào sự tu hành để gột rửa phiền não, thì tâm trở nên trong sạch, hiển hiện được tịnh tánh sẵn có từ xưa. Tâm là chủ, phiền não là khách, hai thứ đều đồng thời; tâm tánh thì vô thủy vô chung, phiền não thì vô thủy hữu chung. Lập luận này tương tự thuyết “Quan hệ giữa tự tánh và thần ngã” của Số luận, nhưng về nghĩa sanh diệt thì có phần khác hơn.

4. Niết-Bàn-Phật-thân-luận: Quan niệm về Niết-bàn của Đại-Chúng-bộ, không thấy ghi chép rõ ràng. Nhưng về Phật-thân, Đại-Chúng-bộ cho rằng Đức Thích-Tôn sanh ở Ấn-Độ, giáo hóa nhân gian, là hóa thân chứ không phải thật thân. Thật thân của Phật nương vào nhân hạnh nhiều kiếp mà thành, đối với không gian thì khắp tất cả chỗ, đối với thời gian thì thọ lượng vô vùng. Oai lực của Phật cũng không biên tế, gần gũi giáo hóa chúng-sanh mà không khởi phiền não, sự ứng hiện và nhập diệt đều được tùy duyên tự tại.

Đối với Đại-Chúng-bộ, Phật-thân là vô lậu thân, là siêu việt và thường tồn tại. Do đó, khi Phật chuyển pháp-luân, trong một âm thanh có thể nói tất cả pháp, trong một sát-na có thể hiểu biết hết mọi việc. Phật thường ở trong định, không có thụy miên, chúng-sanh hỏi gì, Ngài đều đáp ngay không cần phải suy nghĩ.

Trên đây là khái lược yếu nghĩa của Đại-Chúng-bộ. Hữu-vi-luận của bộ này, rất gần với không quán của Ma-Ha-Bát-Nhã. Vô-vi-luận có thể làm tiền khu cho thuyết Chân-như-duyên-khởi của Đại-thừa. Trong Tâm-tánh-bản-tịnh-luận, thuyết phiền não vô thủy hữu chung rất giống với Chân-như-duyên-khởi-luận, và cũng là nguyên nhân để dẫn dụ đến tư tưởng “Tất cả chúng-sanh đều có Phật

tánh”, của Đại-thừa. Niết-bàn quan của Đại-Chúng-bộ tuy không thấy ghi chép, nhưng chúng ta có thể khái luận rằng Phật-thân và Niết-bàn của họ vẫn không xa nhau. Vì thế, giáo nghĩa của bộ này tuy là Tiểu-thừa, mà có những tư tưởng rất gần với Đại-thừa. Cho nên có thể nói, giáo nghĩa Đại-thừa là từ chỗ phát triển lần lần ở giáo nghĩa của Đại-Chúng-bộ.

### **Tiết III: Giáo Nghĩa Của Hữu Bộ**

Nhất-Thiết-Hữu-bộ phát xuất từ Thượng-Tọa-bộ. Giáo nghĩa của Thượng-Tọa-bộ thuộc về Nguyên-Thủy-Phật-giáo, gồm cả đạo lý Đại, Tiểu-thừa, nhưng Đại-thừa còn ở trong vòng ẩn mật. Giáo nghĩa của Hữu-bộ lại nương vào sự tiến triển của Nguyên-thủy-Phật-giáo. Vì vậy, khi nói về bộ này, ta có thể suy biết được nội dung của Thượng-Tọa-bộ và các chi phái cùng một hệ thống Lập-thuyết của Hữu-bộ được khái quát theo bốn đoạn như sau:

A. Pháp-Tạng-Y-Cứ: Như trên đã nói. Nhất-Thiết-Hữu-bộ do Tôn-giả Ca-Chiên-Diên-Ni-Tử khai sáng, lấy Luận-tạng làm bản vị. Tôn-giả chế tác ra bộ A-Tỳ-Đạt-Ma-Phát-Trí-Luận (Abhidharma jñānaprasthāna śāstra) gồm 20 quyển làm nền tảng cho Hữu-bộ. Ngoài Phát-Trí-Luận ra, còn sáu bộ khác được gọi Lục-Túc-Luận, cũng là pháp tạng y cứ của Hữu-bộ. Sáu bộ luận ấy là:

1. A-Tỳ-Đạt-Ma-Tập-Dị-Môn-Túc-Luận (Abhidharma Sanjitiaparyāpāda Śāstra) 20 quyển, tương truyền do ngài Xá-Lợi-Phất sáng tác trong khi Phật còn tại thế.
2. A-Tỳ-Đạt-Ma-Pháp-Uẩn-Túc-Luận (Abhidharma dhamaskandhapāda Śāstra) 12 quyển, do ngài Xá-Lợi-Phất tạo; theo bản Hán-dịch thì do ngài Mục-Kiền-Liên.
3. A-Tỳ-Đạt-Ma-Thi-Thiết-Túc-Luận (Abhidharma prajñātipāda Śāstra) gồm 18.000 bài tụng, do ngài Mục-Kiền-Liên tạo; theo bản Hán-dịch thì do ngài Đại-Ca-Chiên-Diên.
4. A-Tỳ-Đạt-Ma-Thức-Thân-Túc-Luận (Abhidharma vijñānakāyapāda Śāstra) 16 quyển, do ngài Đề-Bà-Thiết-Ma (Devasarman - Thiên-Tịch, Thiên-Hộ) sáng tác khoảng sau Phật diệt độ 100 năm.
5. A-Tỳ-Đạt-Ma-Phẩm-Loại-Túc-Luận (Abhidharma prakaranapāda Śāstra) 18 quyển, do ngài Thế-Hữu sáng tác phần đầu, Kê-Tân La-Hán viết phần cuối.
6. A-Tỳ-Đạt-Ma-Giới-Thân-Túc-Luận (Abhidharma dhātukāyapāda Śāstra) 3 quyển, do ngài Phú-Lâu-Na tạo; theo Hán-dịch thì do ngài Xá-Lợi-Phất. (Trên

đây, phần ghi chú tác giả là y theo thuyết của ngài Xưng-Hữu, trong Câu-Xá-Thích).

Sáu bộ trên, về giáo lý, chỉ là những phần tử của Phát-Trí-Luận nên gọi là Lục-Túc-Luận. Còn Phát-Trí-Luận gọi là Thân-luận. Đây là y theo nghĩa bản và mặt. Về sau, các bậc học giả của Hữu-bộ lại giải thích giáo nghĩa của Phát-Trí-Luận, và biên tập lại thành một bộ gọi là A-Tỳ-Đạt-Ma-Đại-Tỳ-Bà-Sa-Luận (Abhidharmamahāvibhāsā Sāstra) gồm 200 quyển. Trong đó có nhiều đoạn dẫn chứng từ Lục-Túc-Luận.

Ngài Ca-Chiên-Diên-Ni-Tử lấy Luận-tạng làm bản vị, bởi có hai lý do. Một là để đối kháng với tân thuyết của Đại-Chúng-bộ, phương diện khác là để đả phá hai học phái Thắng-luận và Số-luận của ngoại-đạo, đang phục hưng lúc đương thời thường hay bài xích Phật-giáo. Vì mục đích đó, ngài chủ trương môn lý luận của Phật-giáo cần phải có lập trường cho thật vững chắc để quyết thắng. Lại, trong khi tranh biện, ngài thường lấy giáo nghĩa của Thắng-luận và Số-luận để dẫn chứng, nên nội dung của Hữu-bộ có hình tích ảnh hưởng từ Thắng-luận, cũng như giáo nghĩa Đại-Chúng-bộ chịu ảnh hưởng của Số-luận vậy.

B. Chúng-sanh và thế-giới: Theo Nguyên-thủy Phật-giáo, thì năm uẩn là những yếu tố để thành lập thế-giới. Tất cả chánh-báo và y-báo thế gian, không ngoài hai điểm sắc, tâm trong năm uẩn. Nhưng Hữu-bộ vì chịu ảnh hưởng sự phân loại vạn hữu của phái Thắng-luận, nên đem chia tất cả sự vật thành năm vị: sắc, tâm, tâm sở, tâm bất tương ưng hành và vô vi. Năm ngôi vị này gồm có 75 pháp như sau:

1. Sắc-pháp: Sắc-pháp có 11 thứ, là năm căn, năm cảnh và vô biểu sắc. Năm căn là: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Năm cảnh là: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vô biểu sắc (Avijñaptirūpa) là những tác động của thân, khẩu, phát sanh từ tâm nghiệp lành dữ của chúng-sanh.

2. Tâm-pháp: Tâm-pháp chỉ có một thứ, gọi là Tâm-vương. Tâm-vương đây là chỉ cho những công dụng của tinh thần, như cảm giác, tri giác, tưởng tượng. Nếu đem tế phân thì công dụng tinh thần này không ngoài sáu thức.

3. Tâm-sở-pháp: Tâm-sở-pháp gồm có 46 thứ như: Mười đại địa pháp: thọ, tưởng, tư, xúc, dục, huệ, niệm, tác ý, thắng giải, tam ma địa. Mười đại thiện pháp: tín, cần, hành xả, tầm, quý, vô tham, vô sân, bất hại, khinh an, bất phóng dật. Sáu đại phiền-não: si, phóng dật, giải đãi, bất tín, hôn trầm, điều cử. Hai đại bất thiện pháp: vô tâm, vô quý. Mười tiểu phiền não địa pháp: phẫn, phú, xan,

tật, não, hại, hận, siểm, cuồng, kiêu. Tám bất định địa pháp: hối, miên, tầm, từ, tham, sân, mạn, nghi.

4. Tâm-bất-tương-ưng-hành-pháp: Ngôi vị này có 14 thứ: đắc, phi đắc, chúng đồng phạm, vô tướng quả, vô tướng định, diệt tận định, mạng căn, sanh, trụ, dị, diệt, danh thân, cú thân, văn thân.

5. Vô-vi-pháp: Vô-vi-pháp có ba thứ: trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, hư không vô vi.

Bảy mươi lăm pháp thuộc năm ngôi vị trên đây là đứng về phương diện khách quan để phân loại vũ trụ vạn hữu. Còn đứng về phương diện chủ quan thì có ba khoa là: năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới. Ba khoa này không ngoài ba phần: Căn, cảnh, thức hằng làm nhân duyên cho nhau mà sanh ra các pháp, và mọi tác dụng của tinh thần.

Hữu-bộ cho rằng tất cả pháp, nương vào thời gian thì phải trải qua bốn trạng thái sanh, trụ, dị, diệt; nương vào không gian phải có sự, lý, hợp, biến hóa. Hiện tượng các pháp tuy sanh diệt biến hóa, nhưng thể tánh của nó vẫn thường tồn tại trong ba đời. Ví như các làn sóng tuy sanh diệt biến hóa, nhưng thể tánh của nó là nước vẫn không thay đổi. Tác dụng của thể tánh hằng hữu này, lúc chưa phát khởi gọi là vị lai, lúc đang diễn ra gọi là hiện tại và lúc đã qua rồi gọi là quá khứ. Đây là thuyết “Tam thể thật hữu, pháp thể hằng hữu” của Hữu-bộ. Đứng về phương diện triết học, thuyết này gọi là Đa-Nguyên-Thật-Tại-Luận.

Hữu-bộ tuy chia chẻ vạn hữu có phần tinh tế hơn Thượng-Tọa-bộ, nhưng cũng không ngoài hai điểm: sắc và tâm; hay nói cách khác là chúng-sanh (tâm) và thể-giới (sắc). Theo Hữu-bộ, chúng-sanh nương nơi trần cảnh mà khởi phiền não; nếu quán biết các pháp đều do nhân duyên hòa hợp, sanh diệt trong sát-na, thì tâm chấp trước không còn, ngã tướng phải tiêu tan. Môn quán này tên: Tích-sắc-nhập-không gọi tắt là Tích-không-quán. Vì thế, tông nghĩa của Hữu-bộ gọi là Ngã-Không-Pháp-Hữu-Tông.

C. Quan Niệm Tu Hành: Hữu-bộ quan niệm rằng cuộc đời nhiều khổ, mục đích của người tu là cầu giải thoát sự khổ ấy, để đạt đến cảnh giới Niết-bàn an vui. Muốn được như thế, phải biết đời là khổ, phải trừ phiền não là cái khổ nhân, phải nương nơi đạo pháp đạt đến Niết-bàn mà tu, và cuối cùng sẽ chứng vào cảnh Niết-bàn an lạc. Quan niệm tri, đoạn, tu, chứng này không ngoài đạo lý Tứ-thánh-đế. Nếu giản ước lại, phương pháp tu hành của Hữu-bộ, theo thứ lớp chia thành ba bậc:

1. Kiến-đạo (Darsana màrga): Trước tiên, dùng sức lựa chọn của trí huệ, biết rõ lý Tứ-đế, đoạn hết phần kiến hoặc.
2. Tu-đạo (Bhàvana màrga): Tiến thêm một bậc, đem huệ lực để tu tập theo lý Tứ-đế và Tam-thập-thất-giác-phần.
3. Vô-học-đạo (Asàiksa màrga): Sau cùng, tất cả phiền não đều tiêu tan, chứng vào thể tánh Niết-bàn, không còn chi phải học nữa.

Lại, nương vào căn tánh của người tu, Hữu-bộ chia ra ba hạng thượng, trung, hạ, và sở chứng của ba hạng này được gọi là Tam-thừa. Hạ căn thuộc về Thanh-Văn-thừa; hạng này nương vào lời dạy của Phật, quán lý Tứ-đế mà tu hành, chứng được quả A-la-hán. Trung căn thuộc Độc-giác-thừa: hạng này quán mười hai nhân duyên mà tự tỏ ngộ, chứng quả Bích-Chi-Phật (Pratyeka Buddha). Đây cũng gọi là Duyên-Giác-thừa. Thượng căn thuộc về Bồ-Tát-thừa, hạng này y theo Lục-độ tu tập trong nhiều kiếp, sau cùng đầy đủ phần tự lợi lợi tha, chứng quả Vô-thượng-chánh-giác.

D. Niết-bàn và Phật-thân: Khi Đức Như-Lai còn tại thế, Phật-thân chứng Niết-bàn, sắc thân hiện tồn tại, nên không có sự luận nghị về Niết-bàn và Phật-thân. Nhưng sau khi Đức Thế-Tôn diệt độ, vấn đề đó lần lần trở thành trọng đại và là mục tiêu sanh ra nhiều kiến giải không giống nhau.

Đối với vấn đề Niết-bàn và Phật-thân, kiến giải của Hữu-bộ cũng như Nguyên-thủy Phật-giáo. Về Niết-bàn, bộ này cũng chia ra Hữu-dư-niết-bàn. Còn về Phật-thân, thì Phật là thân người hiện thật. Thân thể của Phật vì liên quan đến nghiệp nhân của đời trước nên thọ mạng có hạn định. Khi nghiệp quả đã dứt, thân xác tiêu tan, Như-Lai vào Vô-dư-niết-bàn, trở về nơi tịch tĩnh. Tự thân của Như-Lai không làm điều gì ác, nhưng vì còn thể chất nên còn là sở y của suy, già, bệnh, khổ. Và, với Hữu-bộ, Phật cũng có tâm vô ký, có sự ngủ nghỉ, không phải thường ở trong định, trong một sát-na không thể suốt hết mọi việc, trong một âm thanh không thể nói tất cả pháp. Về nhân hạnh của Phật trong đời quá khứ, mục đích cốt yếu là cứu độ loài hữu-tình chớ không mấy chú trọng ở sự đoạn hoặc. Nhưng khi tiền thân của Như-Lai thọ sanh trong tam giới tu hạnh Bồ-Tát, phiền não do đó lần lần bị chiết phục, đến khi nhân hạnh viên mãn, nghiệp hoặc tiêu tan, được trở thành bậc Đại-giác. Đây là thuyết “Phục-hoặc-nhân-hành” của Hữu-bộ.

Như trên đã lược thuật, đạo lý của Hữu-bộ phưởng phát với Thượng-Tọa-bộ, với Nguyên-thủy Phật-giáo. Nhưng đặc biệt là giáo nghĩa của bộ này, về sau trở thành những tài liệu quan trọng cho môn Duy-thức-học trong đạo Phật.

#### **Tiết IV: Giáo Nghĩa Của Độc Tử Bộ**

1. Pháp-tạng-y-cứ: Từ Nhất-Thiết-Hữu-bộ, trước tiên phát sanh ra Độc-Tử-Hữu-bộ. Nhưng đặc biệt, giáo nghĩa của bộ này lại không thuộc vào Đại-Chúng-bộ và Thượng-Tọa-bộ, mà tự nó có một hệ thống giáo nghĩa riêng.

Nguyên lúc Đức Như-Lai còn tại thế, có một người ngoại-đạo tên là Độc-Tử, xuất-gia trong Phật-pháp, quy-y với Tôn-giả La-Hầu-La, rồi từ đó đời này đến đời khác thầy trò truyền thọ cho nhau. Sau Đức Thế-Tôn diệt độ 200 năm, những học đồ thuộc hệ thống của ngài Độc-Tử mới biệt lập thành một phái lấy tên là Độc-Tử-bộ. Luận-tạng y cứ của phái này là bộ Pháp-Tướng-A-Tỳ-Đàm. Bộ luận này nguyên là Cữu-Phân-Tỳ-Đàm của Phật nói, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất căn cứ theo đó mà giải thích rộng thêm, rồi truyền lại cho ngài La-Hầu-La. Tôn-giả La-Hầu-La lúc đương thời hoằng dương thuyết này, và truyền lại cho ngài Độc-Tử.

2. Thuyết Bồ-Đặc-Già-La (Pudgala): Giáo nghĩa đặc thù của Độc-Tử-bộ là Thuyết Bồ-Đặc-Già-La. Danh từ này, Trung-Hoa dịch là “Ngã”; nhưng Ngã của Độc-Tử-bộ không đồng với Ngã của ngoại-đạo, cũng không thuộc về Ngã của ngũ uẩn. Ngã của ngoại-đạo là nguyên chất của vạn hữu sinh hoạt gọi là Linh-hồn hay Thần-ngã; Phật-giáo cho đó là lõi chấp thường của Nhất-thần-giáo. Ngã của ngũ uẩn là vọng nghiệp của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, biến hóa sanh diệt vô thường. Ngã của Độc-Tử-bộ thì khác; phái này cho rằng Bồ-Đặc-Già-La không phải đương thể của ngũ uẩn, cũng không phải lìa ngũ uẩn mà có. Như con người khi tạo nghiệp nhân lành dữ, sẽ phải cảm thọ quả báo về sau, Bồ-Đặc-Già-La là mối liên quan từ đời này cho đến nhiều đời khác. Nếu không có nó duy trì, thì ngũ uẩn cũng tiêu diệt không còn sự chuyển sanh ở kiếp sau. Chẳng hạn như Phật là bậc Nhất-thiết-trí biết tất cả mọi pháp, nếu không có Bồ-Đặc-Già-La thì cái biết thuộc về tâm, tâm sở sanh diệt. Nếu là tâm, tâm sở sanh diệt thì khi biết tâm không biết sắc, khi biết sắc không biết tâm. Nhưng vì có Ngã thường trụ bất biến, nên Đức Thế-Tôn biết khắp cả sắc và tâm một cách tự tại. Cho nên từ địa vị phàm-phu cho đến khi thành Phật, Bồ-Đặc-Già-La là một thật thể tồn tại quán thông ba đời, duy trì nghiệp nhân lành dữ, và biết khắp tất cả.

3. Ba tụ và năm tạng: Độc-Tử-bộ lại lập ra ba tụ và năm tạng. Ba tụ là Hữu-vi-tụ, Vô-vi-tụ và Phi-nhị-tụ. “Tụ” có ý nghĩa: phân loại, bộ phận. Hữu-vi-tụ là phân loại

thuộc các pháp hữu vi. Vô-vi-tụ là bộ phận về vô vi pháp. Phi-nhị-tụ là chỉ cho Bồ-Đặc-Già-La, vì thật thể này không thuộc về hữu vi pháp của ngũ uẩn, cũng không thuộc về vô vi pháp của Niết-bàn.

Từ ba tụ, Độc-Tử-bộ lại chia thành năm tạng. Năm tạng ấy là: Quá-khứ-tạng, Hiện-tại-tạng, Vị-lai-tạng, Vô-vi-tạng, và Bất-khả-thuyết-tạng. Ba tạng đầu gọi là Tam-thế-tạng, do sự tế phân từ Hữu-vi-tụ. Vô-vi-tạng tức là Vô-vi-tụ. Còn Bất-khả-thuyết-tạng là biệt danh của Phi-nhị-tụ, tức chỉ cho Bồ-Đặc-Già-La.

Kết luận lại, giáo nghĩa của Độc-Tử-bộ rất giản ước, thấu gồm muôn pháp trong ba tụ. Về đường lối tu hành, thì bộ này chủ trương phá sự chấp trước trên hữu vi, vô vi, mà xu hướng về Phi-nhị-tụ, làm hiển lộ Bất-khả-thuyết-tạng, tức Bồ-Đặc-Già-La. Riêng về thuyết Bồ-Đặc-Già-La, có thể gọi là giáo nghĩa đặc thù của phái Độc-Tử, và làm cơ sở cho lập thuyết Như-Lai tạng của Đại-thừa Phật-giáo về sau.